

Who am I?

CHỦ ĐỀ NGHỀ NGHIỆP



Who am I?





Who am I?



Who am I?

Who am I?





Who am I?



Who am I?

TRONG TƯƠNG LAI EM MONG MUỐN LÀM NGHỀ NÀO?



CHỦ ĐỀ 5

LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



NỘI DUNG



Lao động, việc làm
ở TP Đà Nẵng



2. Trải nghiệm cơ hội việc
làm ở TP Đà Nẵng



3. Ngành nghề phổ
biến ở TP Đà Nẵng

I. LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG





1. LAO ĐỘNG

Hoạt động nhóm



Vào vai: các chuyên gia
nghiên cứu về dân số



Viết trên giấy A0 theo kỹ
thuật: khăn trải bàn,



Thời gian: 5 phút. Sau
đó từng nhóm trình bày



NHIỆM VỤ



Viết ý kiến cá nhân

**Ý kiến chung
của cả nhóm**

Viết ý kiến cá nhân

Viết ý kiến cá nhân

Viết ý kiến cá nhân

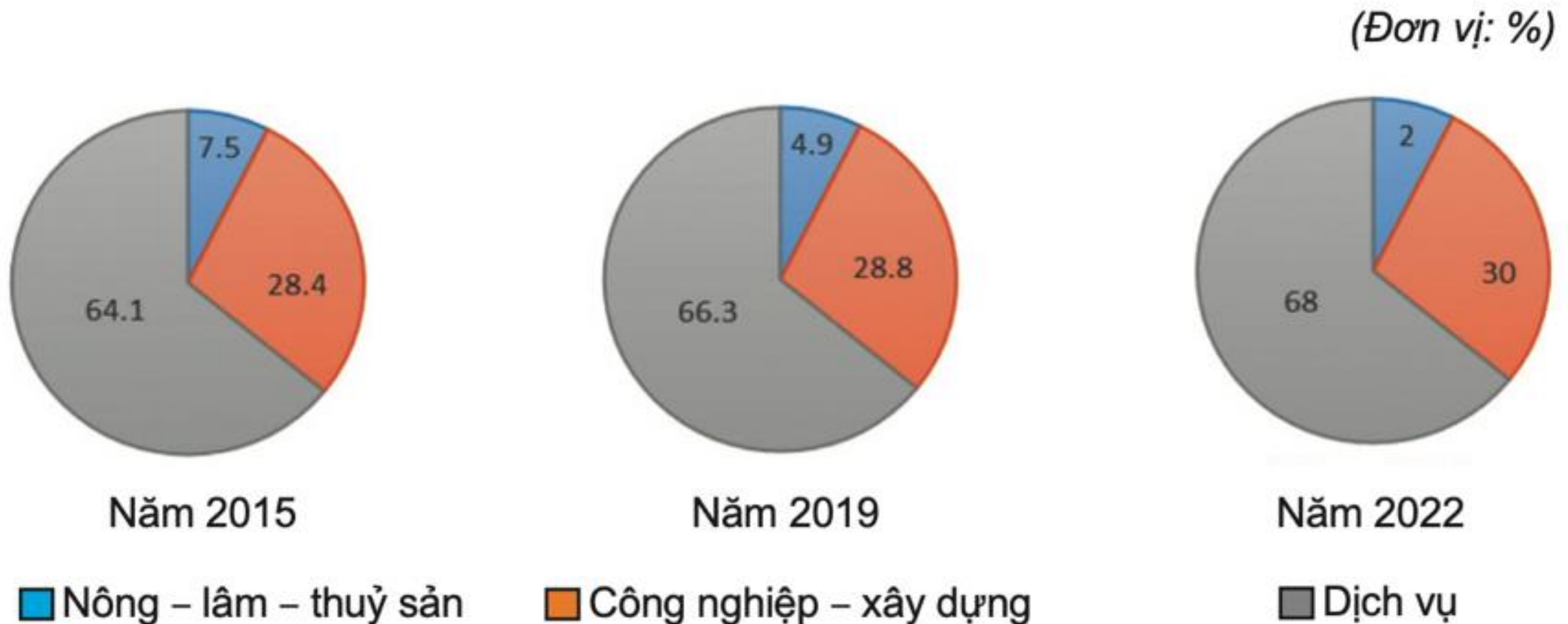
1. Từ bảng 5.2, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật ở thành phố Đà Nẵng.

(Đơn vị: %)

Trình độ	Năm	2015	2021
- Đã qua đào tạo		41,4	48,5
+ Sơ cấp		5,5	10,2
+ Trung cấp		7,6	5,9
+ Cao đẳng		6,2	7,2
+ Đại học trở lên		22,1	25,2
- Chưa qua đào tạo		58,6	51,5

Bảng 5.2. Cơ cấu lao động 15 tuổi trở lên qua đào tạo năm 2015 và 2021

2. Dựa vào biểu đồ 5.3, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015 – 2022.



Biểu đồ 5.3. Biểu đồ cơ cấu lao động theo ngành kinh tế giai đoạn 2015 – 2022

Bảng 4.1. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo khu vực kinh tế của tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 – 2022.

Đơn vị: người

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	859.978	871.837	859.679	790.232	808.750
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	364.002	323.023	331.025	223.228	212.228
Công nghiệp và xây dựng	217.218	262.243	259.649	279.367	293.551
Dịch vụ	278.758	286.571	269.005	287.637	302.971

3. Từ bảng 5.4, hãy so sánh và nhận xét về sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015 – 2022.

(Đơn vị: %)

Năm Thành phần kinh tế	2015	2019	2022
Tổng số	100	100	100
Kinh tế Nhà nước	19,1	17,1	13,7
Kinh tế ngoài Nhà nước	74,5	76,2	81,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	6,4	6,7	4,8

Bảng 5.4. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2015 – 2022

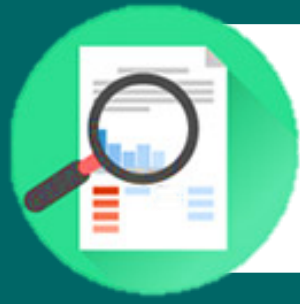
BÁO CÁO KẾT QUẢ

Mỗi nhóm báo cáo sản phẩm trong thời gian
tối đa là 3 phút

Các nhóm khác lắng nghe, ghi chép nhận xét
và đặt câu hỏi cho nhóm khác

Điểm cộng cho các câu hỏi/
trả lời hay





a. Nguồn lao động

Đà Nẵng có một nguồn nhân lực khá dồi dào. Năm 2022, số lao động từ 15 tuổi trở lên của thành phố Đà Nẵng là 641 800 người, chiếm 52,6% tổng số dân.

- + Giai đoạn 2016 – 2020, mỗi năm thành phố có khoảng 20 000 đến 25 000 người đến tuổi lao động và lao động nhập cư.
- + Nguồn lao động ở Đà Nẵng có những chuyển biến tích cực, do có sự cải cách và đầu tư trong công tác giáo dục và dạy nghề.

Lao động
qua đào
tạo: **72,2%**



Có bằng
cấp,
chứng chỉ:
34,67%



**Chất lượng
lao động
Quảng
Nam cũ**

(Đơn vị: %)

Trình độ \ Năm	2015	2021
- Đã qua đào tạo	41,4	48,5
+ Sơ cấp	5,5	10,2
+ Trung cấp	7,6	5,9
+ Cao đẳng	6,2	7,2
+ Đại học trở lên	22,1	25,2
- Chưa qua đào tạo	58,6	51,5

Bảng 5.2. Cơ cấu lao động 15 tuổi trở lên qua đào tạo năm 2015 và 2021

Bảng 4.1. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo khu vực kinh tế của tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018 – 2022.

Đơn vị: người

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	859.978	871.837	859.679	790.232	808.750
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	364.002	323.023	331.025	223.228	212.228
Công nghiệp và xây dựng	217.218	262.243	259.649	279.367	293.551
Dịch vụ	278.758	286.571	269.005	287.637	302.971

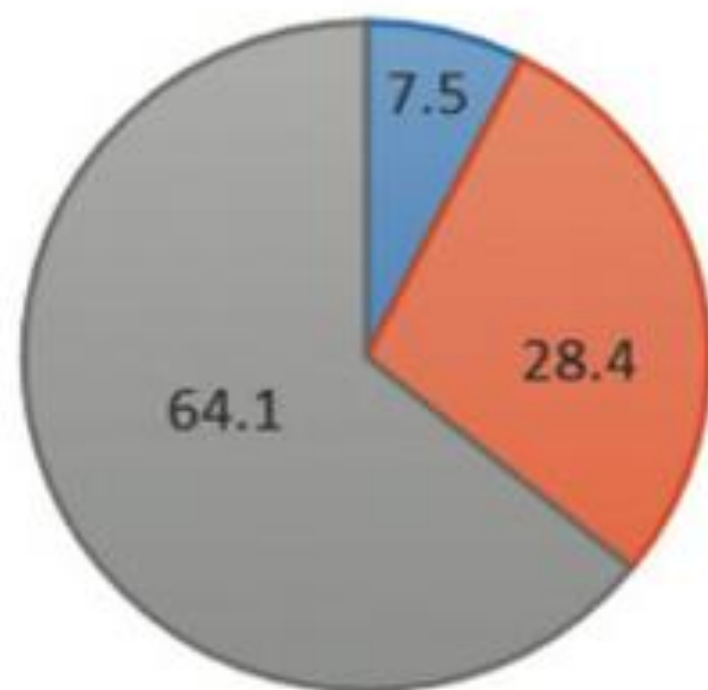


b. Sử dụng lao động

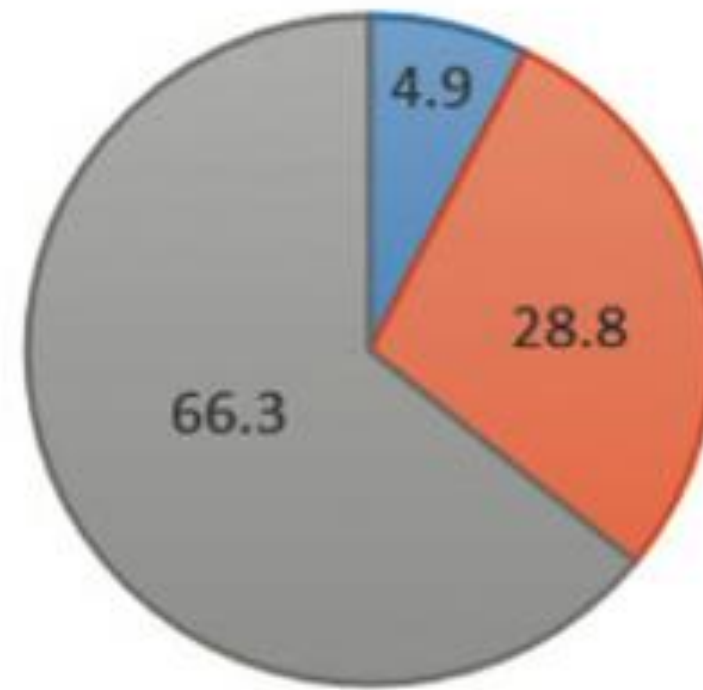
Trong các ngành kinh tế: Cơ cấu lao động của thành phố có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng lao động ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm lao động ngành nông nghiệp

Theo thành phần kinh tế: Quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực, quốc tế và nhờ chủ động huy động nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế, đã làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở thành phố Đà Nẵng.

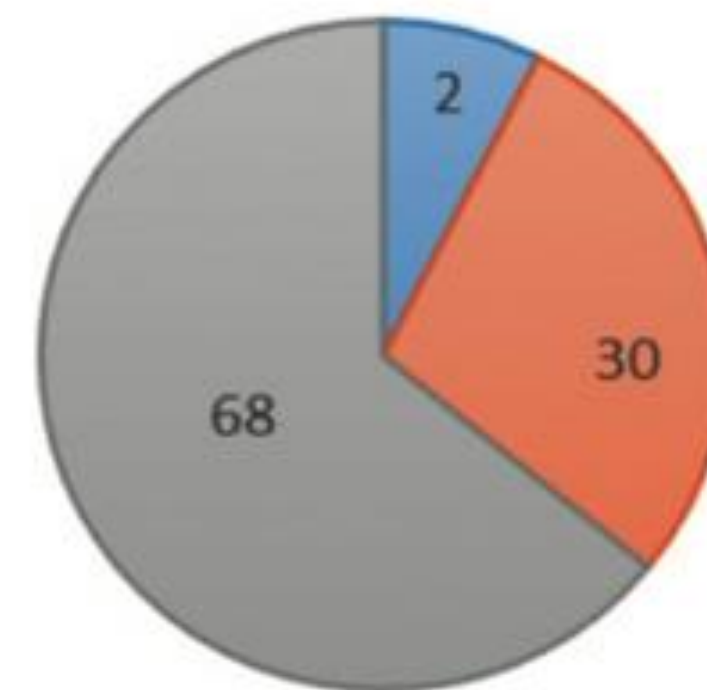
(Đơn vị: %)



Năm 2015



Năm 2019



Năm 2022

■ Nông – lâm – thủy sản

■ Công nghiệp – xây dựng

■ Dịch vụ

Biểu đồ 5.3. Biểu đồ cơ cấu lao động theo ngành kinh tế giai đoạn 2015 – 2022

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CHUYỂN DỊCH TÍCH CỰC

1

Giảm trong nông – lâm –
thủy sản: từ **38,56%**
(2019) → 32,6% (2023)

2

Tăng trong **công nghiệp –
xây dựng và thương mại**
– **dịch vụ** (nhóm ngành
động lực của tỉnh)

3

Phù hợp với mục tiêu
Nghị quyết 39-NQ/TW:
đến 2025 lao động nông
nghiệp còn dưới 33%



Hình 4.3. Khu công nghiệp cơ khí ô tô Chu Lai – Trường Hải



2. VẤN ĐỀ VIỆC

LÀM

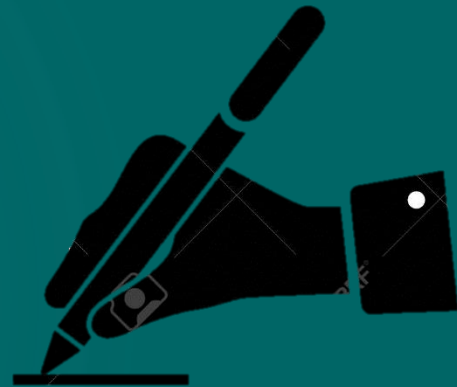
Hoạt động nhóm



**Vào vai: các chuyên gia
nghiên cứu về dân số**



**Viết trên giấy A0 theo kỹ
thuật: khăn trải bàn,**



**Thời gian: 5 phút. Sau
đó từng nhóm trình bày**



Dựa vào thông tin bài học,
hãy phân tích vấn đề việc
làm ở thành phố Đà Nẵng.





a. Thực trạng

- Kinh tế Đà Nẵng tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực → tạo nhiều việc làm mới.
- Năm 2022: giải quyết việc làm cho **35 000 lao động**, tổng số lao động có việc làm đạt **627 000 người**.

- Tuy nhiên, tình trạng **thất nghiệp và thiếu việc làm** còn tồn tại:
 - + Thất nghiệp: **3,8%**
 - + Thiếu việc làm: thành thị **4,87%**, nông thôn **7,12%**
- Tỷ lệ lao động **phi chính thức cao** (gần **40%**) → việc làm chưa ổn định, thiếu bảo đảm xã hội.
- Cung – cầu lao động **mất cân đối**: doanh nghiệp khó tuyển, người lao động vẫn thiếu việc làm.



Đẩy mạnh khuyến khích đầu tư, nhất là các doanh nghiệp có kĩ thuật, công nghệ cao và các ngành kinh tế mũi nhọn nhằm tạo ra một thị trường cầu lao động phong phú, tạo nhiều chỗ làm việc mới.



Chú trọng công tác dự báo về thị trường lao động nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.



Quy hoạch mạng lưới đào tạo nghề nghiệp, xác định mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn cung lao động phù hợp với nhu cầu của xã hội.



Hoàn thiện hệ thống dịch vụ việc làm, đáp ứng được công tác thu thập xử lí thông tin, kết nối cung cầu, tư vấn và dự báo thông tin thị trường lao động.

**Dân số
tăng nhanh**



**Kinh tế chưa
phát triển**



Vấn đề việc làm

BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM

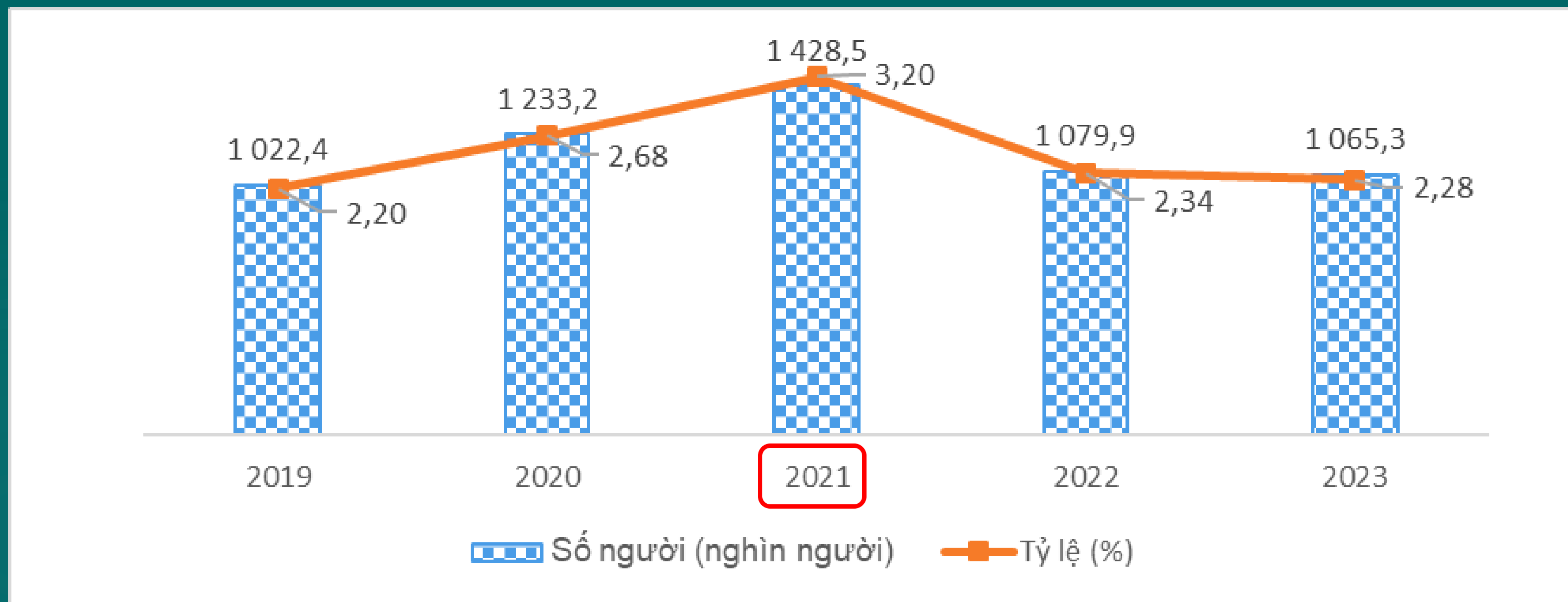


$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100 \text{ (\%)}$$



$$\text{Tỷ lệ thiếu việc làm} = \frac{\text{Số người thiếu việc làm}}{\text{Tổng số người có việc làm}} \times 100 \text{ (\%)}$$

BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM



Nguồn: Tổng cục thống kê

SỐ NGƯỜI VÀ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP CỦA VIỆT NAM TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG,
GIAI ĐOẠN 2019-2023

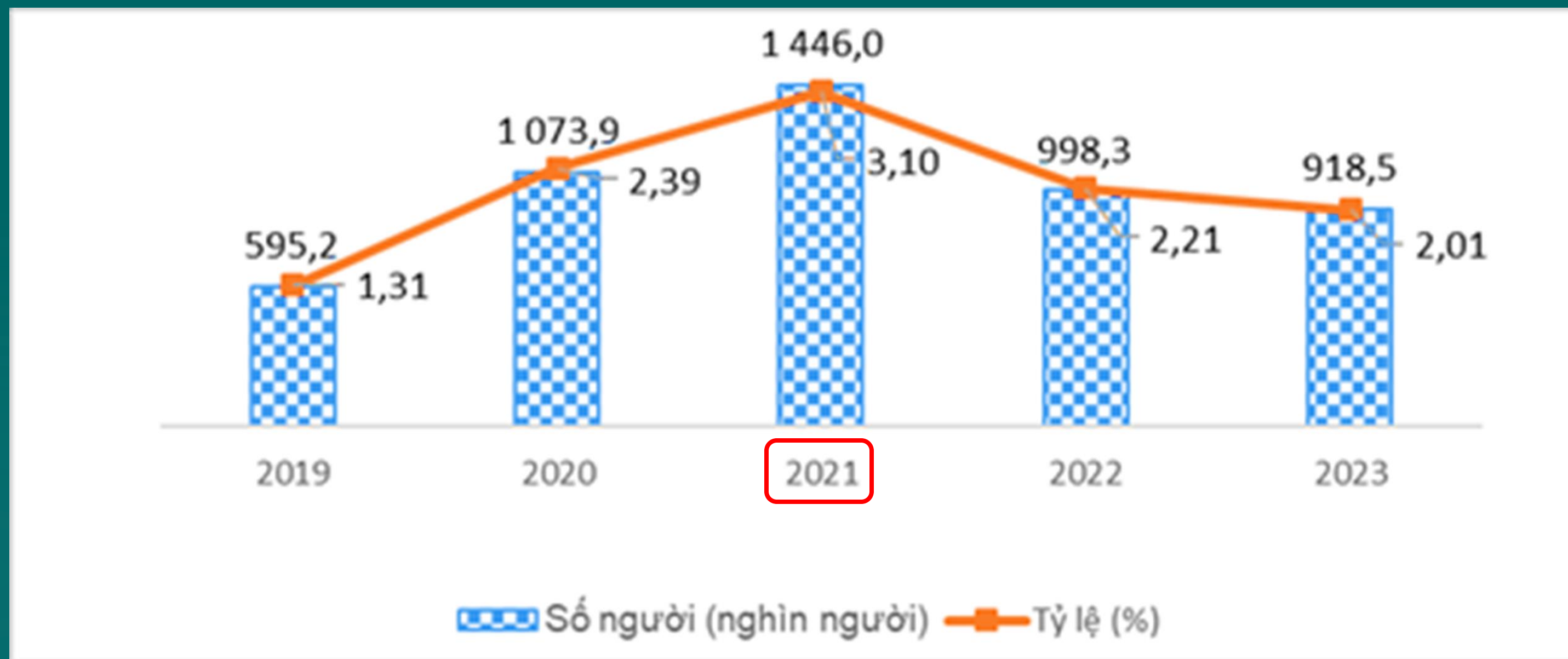
BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM



TRONG QUÝ III/2021

**DIỄN BIẾN BẤT THƯỜNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ ĐẨY TỶ LỆ THẤT NGHIỆP TĂNG CAO ĐỘT BIẾN, VƯỢT XA CON SỐ 2% NHƯ THƯỜNG THẤY.
THU NHẬP BÌNH QUÂN THÁNG
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ 5,2 TRIỆU ĐỒNG,
SỤT GIẢM NGHIÊM TRỌNG SO QUÝ TRƯỚC
VÀ SO CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC.**

BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM



Nguồn: Tổng cục thống kê

SỐ NGƯỜI VÀ TỶ LỆ THIẾU VIỆC LÀM CỦA VIỆT NAM TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG,
GIAI ĐOẠN 2019-2023

3. Định hướng, giải pháp cải thiện thị trường lao động và tạo việc làm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Hoạt động cá nhân

Thảo luận trả lời câu hỏi



**Thời gian:
3 phút**

Hết giờ, các nhóm báo cáo



Nhiệm vụ

Dựa vào thông tin bài học, hãy nêu các giải pháp giải quyết việc làm ở thành phố Đà Nẵng.

Mở rộng nhu cầu lao động



Phát triển kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất.



Thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt vào các ngành công nghệ cao và ngành kinh tế mũi nhọn.



Tạo thêm nhiều việc làm mới, từng bước khắc phục mất cân đối cung – cầu lao động



**Phát triển hệ thống
thông tin thị trường
lao động**

Thu thập thông tin về nguồn lao động và
nhu cầu tuyển dụng

Dự báo xu hướng thị trường lao động
để định hướng cho doanh nghiệp và cơ
sở đào tạo.

**Nâng cao
chất lượng
nguồn cung
lao động**

Đổi mới, quy hoạch lại hệ thống đào tạo nghề.

Đào tạo theo nhu cầu xã hội, chú trọng các lĩnh vực có nhu cầu cao

Thực hiện tốt phân luồng sau THCS, THPT

Phát triển mạng lưới dịch vụ việc làm

Tăng cường hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm

Kết nối cung – cầu lao động, tư vấn và hỗ trợ người lao động tìm việc hiệu quả hơn



GIẢI
PHÁP?

GIẢI PHÁP

GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THẤT NGHIỆP VÀ THIẾU VIỆC LÀM



①

Phân bố lại dân cư và chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động giữa các vùng.

②

Thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa hoạt động kinh tế ở nông thôn; phát triển công nghiệp, dịch vụ ở đô thị

③

Đa dạng hóa loại hình đào tạo lao động, đẩy mạnh hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm.

GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THẤT NGHIỆP Ở ĐÔ THỊ!



Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở
đô thị để tạo khối lượng việc làm lớn
cho người lao động.





GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU VIỆC LÀM Ở NÔNG THÔN



Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ giới hóa trong nông nghiệp.



Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất (nghề truyền thống, thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...). Đặc biệt, chú ý đến hoạt động của các ngành dịch vụ.



Đẩy mạnh xuất khẩu lao động để giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn. Trình độ của người lao động cũng tăng lên đáng kể do được tiếp xúc với các nền kinh tế mới, hiện đại.

Ý NGHĨA

GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THẤT
NGHIỆP VÀ THIẾU VIỆC LÀM.



①



Nâng cao thu nhập cho
người dân, cải thiện chất
lượng cuộc sống.

②



Khai thác hiệu quả các tiềm
năng, thúc đẩy sản xuất,
tăng trưởng kinh tế.

③



Thúc đẩy xã hội sẽ ổn định,
phát triển về mọi mặt: giáo
dục, văn hóa, y tế....



https://www.youtube.com/watch?v=YA_m66Aloe4

2. TRẢI NGHIỆM CƠ HỘI VIỆC LÀM Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



II. Trải nghiệm cơ hội việc làm ở thành phố Đà Nẵng

Hoạt động cá nhân

Thảo luận trả lời câu hỏi



**Thời gian:
3 phút**

Hết giờ, các nhóm báo cáo



Nhiệm vụ

Nêu định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho HS có như cầu tìm kiếm cơ hội việc làm tại thành phố Đà Nẵng.

**Mức tiêu
đến năm
2030**

01

. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75 – 80%

02

. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 35 – 40%

03

. Mỗi năm tạo thêm 15.000 việc làm mới

04

Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển lao động có kỹ
năng và nguồn nhân lực chất lượng cao

05

. Chuyển dịch lao động mạnh sang công nghiệp và dịch

2. Phương hướng phát triển ngành kinh tế gắn với định hướng nghề nghiệp

Nhóm ngành trọng tâm ưu tiên

- Cơ khí chế tạo, lắp ráp ô tô và công nghiệp hỗ trợ
- Du lịch
- Công nghiệp năng lượng, đặc biệt năng lượng tái tạo

Nhóm ngành khuyến khích phát triển

- Vận tải – logistics, lưu trú – ăn uống, thương mại
- Điện tử, công nghệ thông tin
- Chế biến nông sản công nghệ cao
- Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục chất lượng cao

Nhóm ngành duy trì phát triển

- Dệt may, da giày
- Chế biến nông lâm thủy sản
→ Cần phát triển theo **chiều sâu**, tăng giá trị và giảm phụ thuộc lao động trình độ thấp

3. Tác động đến thị trường lao động



Nhu cầu nhân lực chất lượng cao



Cạnh tranh nguồn lao động với khu vực và các địa phương khác



Một số ngành, đặc biệt **công nghệ kỹ thuật** sẽ đối mặt nguy cơ bị thay thế bởi **tự động hóa và robot**



QUỐC HỘI



22:29:16

THỜI SỰ

lặn vườn quốc gia Bạch Mã khiến 18 người bị thương vào ngày

3. NGÀNH NGHỀ PHỎ BIỂN Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Ngành nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng



2 phút làm việc **CÁ NHÂN**



1 phút chia sẻ **THEO CẶP**



30 giây trình bày **TRƯỚC LỚP**



Nhiệm vụ

Xác định những ngành nghề mũi nhọn của thành phố trong giai đoạn hiện nay ở thành phố Đà Nẵng.



Hình 4.1. Nghề hướng dẫn viên du lịch



Hình 4.2. Nghề Logistics (Vinconship Đà Nẵng)

a. Ngành Du lịch – Quản trị khách sạn



①

Lao động tăng mạnh: từ **15.197 (2014) → 49.143 (2019)** (tăng 3,23 lần)

②

Hệ thống du lịch phát triển nhanh:
+ **943 cơ sở lưu trú, 40.074 phòng**
+ **376 đơn vị lữ hành**
+ **4.646 hướng dẫn viên**
+ Kết nối hàng không rộng mở với **31 đường bay quốc tế** và **9 đường bay nội địa**
+ Nhiều dự án du lịch lớn, hiện đại ven biển

③

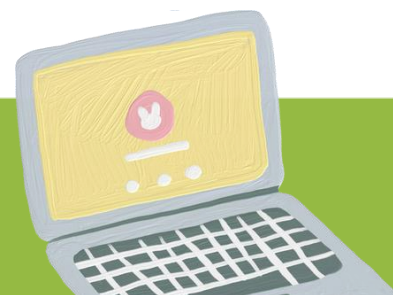
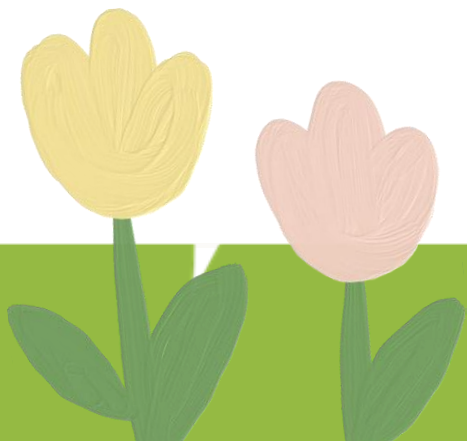
Công việc tiêu biểu:
+ Hướng dẫn viên, điều hành tour, lễ tân, quản lý khách sạn – resort
+ Nghiên cứu thị trường, xây dựng chương trình du lịch – sự kiện
+ Giảng dạy, nghiên cứu ngành du lịch

b. Ngành Tiếp thị (Marketing)



Nhu cầu rất cao trong bối cảnh công nghệ thông tin – khởi nghiệp phát triển

Hiện có **29.100** doanh nghiệp với hơn **500.000** lao động, đa số trẻ



CÔNG VIỆC TIÊU BIỂU



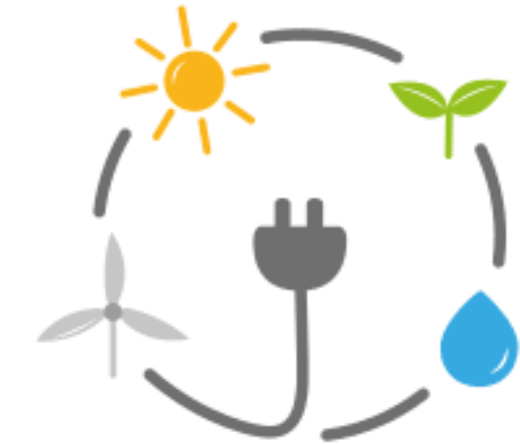
Lập chiến lược marketing, nghiên cứu thị trường



Marketing số: quản lý website, mạng xã hội, SEO, quảng cáo



PR – truyền thông, chăm sóc khách hàng; Tiếp thị qua email, điện thoại,...





c. Ngành quản trị kinh doanh

Phát triển mạnh cùng số lượng doanh nghiệp đa ngành ở Đà Nẵng



Công việc tiêu biểu

1

Quản trị tổng hợp, hành chính – nhân sự

2

Quản trị marketing, mở rộng thị trường

3

Khởi nghiệp, điều hành doanh nghiệp

4

Quản trị logistics: vận tải, kho vận, xuất nhập khẩu, cung ứng,...



**VIỆC
LÀM TỐT**



LUYỆN TẬP

Ai nhanh hơn?

START

1

2

3

4

5

Câu 1

Năm 2022, tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên ở Đà Nẵng là:



A. 520.000 người



B. 641.800 người



C. 700.200 người

START

1

2

3

4

5

Câu 2

Tỉ lệ lao động qua đào tạo ở Đà Nẵng
(Quảng Nam cũ) đạt:

A. 72,2%.



B. 52,6%.



C. 34,67%.

START

1

2

3

4

5

Câu 3

Lao động ngành nông – lâm – thủy sản của Đà Nẵng giảm từ 38,56% (2019) xuống còn



A. 45% (2023)



B. 32,6% (2023)



C. 28% (2023)

START

1

2

3

4

5

Câu 4

Nhóm ngành trọng tâm ưu tiên phát triển của Đà Nẵng là:



A. Dệt may, da giày



B. Chế biến thủy sản



C. Du lịch, cơ khí chế tạo, năng lượng tái tạo

START

1

2

3

4

5



Câu 5

Một trong những giải pháp phát triển thị trường lao động tại Đà Nẵng là



A. Giảm hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm



B. Giảm thu hút đầu tư vào công nghệ cao



C. Đào tạo theo nhu cầu xã hội

START

1

2

3

4

5

CHỌN SAI
NGÀNH
NGHỀ



THẤT
NGHIỆP

Chọn sai nghề dẫn đến nguy cơ thất nghiệp

BRAIN

YOUR

DRAW

CHỌN NGHỀ



1. Dựa vào bảng 5.2, hãy:

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo khu vực thành thị và nông thôn ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015 – 2021.

b) Nhận xét và giải thích.

2. Hãy nêu các ngành, lĩnh vực mũi nhọn mà thành phố Đà Nẵng tập trung phát triển trong thời gian đến

VẬN DỤNG



Tìm hiểu về ngành nghề em đang quan tâm và giới thiệu với các bạn về nghề đó.

CHỌN NGÀNH CHỌN TRƯỜNG

BƯỚC 1

BƯỚC 1



Tìm hiểu bản thân

- Xác định 2-3 nhóm sở thích nghề nghiệp theo một mã Holland
- Liệt kê điểm trung bình của 2 học kỳ gần nhất và 3-4 môn học tự tin nhất
- Trò chuyện với người thân về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành (ví dụ: học phí, địa điểm trường học, mong ước của cha mẹ v.v.)

BƯỚC 2



Tìm hiểu thị trường lao động

- Xác định nhóm ngành và nghề cụ thể phù hợp theo 2-3 nhóm Holland cao nhất
- Tìm hiểu "rốt" nghề thông qua 3 cách: thông tin, con người, tự trải nghiệm

BƯỚC 3



Tìm hiểu thị trường đào tạo

- Xác định 3 ngành học phù hợp
- Tìm hiểu trường và cơ sở đào tạo (ví dụ: địa chỉ, ngành học, hình thức tuyển sinh, học phí v.v.)

BƯỚC 4



Xác định hướng đi sau THPT

- Xác định hướng đi sau THPT: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp hay con đường khác
- Tìm hiểu thông tin tuyển sinh của các trường (cơ sở hoặc nơi đào tạo)
- Điền nguyện vọng trong hồ sơ thi tốt nghiệp THPT

Thank You